**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10– THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 25 | 5 | 25 | 15 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 30 | 60 |
| **2** | Viết | 15 | 5 | 5 | 5 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 60 | 40 |
| **Tổng** | | **40** | **10** | **30** | **20** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**Lưu ý:**

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích truyện kể  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Xác định được phương thức biểu đạt, thể loại của văn bản/đoạn trích.  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.  - Xác định được hệ thống nhân vật, kết cấu, các thủ pháp nghệ thuật…  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.  - Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.  - Phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và/ hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, hiệu quả nghệ thuật của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu câu và biện pháp tu từ; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung văn bản/đoạn trích.  - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trongvăn bản/đoạn trích. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
|  |  | Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích thơ  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, phương thức biểu đạt.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Hiểu được nội dung chính của văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Hiểu được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  |  |  |
|  |  | Đọc hiểu các văn bản/ đoạn trích văn nghị luận  (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) | **Nhận biết**:  - Nhận biết được hệ thống luận điểm, luận cứ, dẫn chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được phong cách ngôn ngữ, sự kết hợp các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận, các biện pháp tu từ…  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận một tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và dẫn chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích tạo lập văn bản.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; tác dụng của các biện pháp tu từ; công dụng của dấu câu; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  |  |  |
| **2** | **VIẾT** | - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội | **Nhận biết**:   * Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội * Xác định được vấn đề xã hội cần bàn luận. * Nêu được lí do lựa chọn và quan điểm cá nhân về vấn đề xã hội cần bàn luận   **Thông hiểu**:   * Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của vấn đề xã hội cần bàn luận. * Chứng minh quan điểm của bản thân bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng và phân tích dẫn chứng hợp lí, thuyết phục.   **Vận dụng**:   * Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề xã hội   Biết sử dụng các yếu tố biểu cảm để tăng sức thuyết phục.   * Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; có cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục: chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.   **Vận dụng cao**:   * Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để đánh giá vấn đề xã hội. * Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, văn giàu sức thuyết phục. Đánh giá được ý nghĩa của vấn đề cần bàn luận. |  |  |  |  | 1\* |
| -Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm/đoạn trích văn học | **Nhận biết:**   * Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học * Xác định được kiểu bài phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học; vấn đề nghị luận (chủ đề, những đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) * Giới thiệu tác giả, tác phẩm.   **Thông hiểu:**   * Diễn giải những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học   Lí giải được một số đặc điểm của thể loại qua tác phẩm.   * Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm văn học (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động.   **Vận dụng:**   * Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học. * Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học; vị trí, đóng góp của tác giả.   **Vận dụng cao:**   * So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.   Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NGÃI  **TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH**  *(Đề có 02 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Môn: Ngữ văn, lớp 10**  **Thời gian: 90 phút**  *(không tính thời gian phát đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản:**

|  |
| --- |
| *Quê hương là gì hở mẹ*  *Mà cô giáo dạy phải yêu*  *Quê hương là gì hở mẹ*  *Ai đi xa cũng nhớ nhiều*  *Quê hương là chùm khế ngọt*  *Cho con trèo hái mỗi ngày*  *Quê hương là đường đi học*  *Con về rợp bướm vàng bay*  *Quê hương là con diều biếc*  *Tuổi thơ con thả trên đồng*  *Quê hương là con đò nhỏ*  *Êm đềm khua nước ven sông*  *[...]Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi*  *Quê hương nếu ai không nhớ...* |

(*Bài học đầu cho con*, Đỗ Trung Quân, *Thivien.net*)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ của văn bản trên.

**Câu 2.** Xác định nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình) trong văn bản trên.

**Câu 3.** Trong văn bản trên, quê hương được hiện lên qua những hình ảnh nào?

**Câu 4.** Dấu *[…]* trong văn bản trên có tác dụng gì?

**Câu 5.** Anh/chị hiểu như thế nào về hai câu thơ:

|  |
| --- |
| *Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi* |

**Câu 6.** Từ văn bản trên, theo anh/chị, bản thân sẽ làm những gì để góp phần xây dựng quê hương? (từ 3 đến 5 dòng).

**II. VIẾT: (4,0 điểm)**

Anh/chị hãy viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về văn bản trên (trong tác phẩm *Bài học đầu cho con )* của tác giả Đỗ Trung Quân.

------Hết------

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD-ĐT QUẢNG NGÃI  **TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH**  *Đáp án có 04 trang* | **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Môn: Ngữ văn, lớp 10** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | Thể thơ: 6 chữ  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: không cho điểm.* | 0,75 |
| **2** | Nhân vật ( chủ thể) trữ tình: con  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Học sinh trả lời như Đáp án: 0,75 điểm.*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: không cho điểm.* | 0,75 |
| **3** | Quê hương hiện lên qua những hình ảnh: “chùm khế ngọt”, “đường đi học”, “*con diều biếc”, “con đò nhỏ”* .  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh trả lời như Đáp án: 1,0 điểm (mỗi ý: 0,25 điểm).*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: không cho điểm.* | 1,0 |
| **4** | Dấu *[…]* trong đoạn trích là phần đã được tỉnh lược; nhằm làm cho nội dung văn bản trích dẫn trở nên tập trung và cô đọng hơn.  ***Hướng dẫn chấm***:  *- Học sinh trả lời như đáp án hoặc có cách diễn đạt tương đương: 1,0 điểm*  *- Học sinh chỉ trả lời được 1 trong 2 ý: 0,5 điểm*  *- Học sinh trả lời không đúng như đáp án: không cho điểm.* | 1,0 |
|  | **5** | Hiểu về hai câu thơ:  *Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi*   * Nghệ thuật so sánh gợi cảm làm hình ảnh thơ sinh động * Sự thiêng liêng, quý giá vô cùng về quê hương   ***Hướng dẫn chấm***:  *- GV chấm linh động cho điểm trong câu hỏi này*  *- Học sinh có cách trả lời hay, thuyết phục: 1,25 điểm.*  *- Học sinh trả lời nhưng còn sơ sài, chưa được thuyết phục: 0,75 điểm*  *- Học sinh không trả lời hoặc trả lời chưa được: không cho điểm* | 1,25 |
|  | **6** | Học sinh có thể diễn đạt theo suy nghĩ của bản thân, có thể theo các ý như sau:  Những việc để góp phần xây dựng quê hương: ra sức học tập rèn luyện, giữ gìn xanh, sạch, đẹp cảnh quan quê hương; yêu thương, sống nhân ái biết kết nối những tấm lòng nơi quê nhà; sẵn sàng đóng góp sức mình cho quê nhà dù là việc nhỏ, hành động nhỏ….  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày có sức thuyết phục như đáp án hoặc có cách diến đạt tương đương: 1,25 điểm.*  *- Trình bàytương đối thuyết phục: 1,0 điểm.*  *- Trình bày chung chung: 0,5 điểm-0,75 điểm.*  *- Trình bày thiếu thuyết phục: 0,25 điểm.* | 1,25 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** |  |
|  |  | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá về đoạn trích trên trong tác phẩm *Bài học đầu cho con* của tác giả Đỗ Trung Quân. | **4,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Nội dung và nghệ thuật bài thơ *Bài học đầu cho con*của tác giả Đỗ Trung Quân.  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm.*  - *Học sinh chưa xác định được vấn đề nghị luận: 0,0 điểm.* | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các  thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các  yêu cầu sau: |  |
| *\* Mở bài:*  Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm , vấn đề nghị luận  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Giới thiệu được vấn đề nghị luận: 0,5 điểm* | 0,5 |
| *\*Thân bài:* Triển khai vấn đề cần nghị luận:  ***\** Phân tích, đánh giá mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình**  - Cảm xúc thiết tha về quê hương qua những hình ảnh mộc mạc,bình dị, gần gũi, thân quen trong cuộc sống con người.  - Niềm tự hào vô bờ của nhà thơ về quê hương  **\* Phân tích, đánh giá nội dung và những đặc sắc, độc đáo của những phương tiện ngôn từ (hình ảnh, từ ngữ, vần nhịp, các biện pháp tu từ…)**  - Tiếng thơ vang lên khắc hoạ một quê hương bình dị, hiền hòa, như nguồn suối mát nuôi dưỡng tâm hồn con người.  + Hình ảnh quen thuộc, gần gũi: chùm khế ngọt, con đường đi học, con diều biếc, con đò nhỏ…  + Ngôn từ giản dị, trong sáng  + Biện pháp tu từ liệt kê, so sánh, câu hỏi tu từ, phép điệp…  - Sự thiêng liêng của quê hương được khắc hoạ khá độc đáo, ấn tượng:  *Quê hương mỗi người chỉ một*  *Như là chỉ một mẹ thôi*  *Quê hương nếu ai không nhớ...*  + Từ ngữ khẳng định “chỉ một”  + Biện pháp tu từ so sánh đầy xúc động  + Cách viết tài hoa, khéo léo, thông minh *Quê hương nếu ai không nhớ...*  - Thể thơ 6 chữ, nhịp thơ đều đặn, hài hòa, hình ảnh thơ đẹp, dịu dàng được chắt ra từ trái tim nồng nàn tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước của nhà thơ để rồi đánh thức biết bao tình cảm đẹp ở bạn đọc về quê hương, đất nước….  **\* Phân tích, đánh giá nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ đề, thể loại…**  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm*  *- Trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,5 điểm - 1,75 điểm.*  *- Trình bày chung chung, chưa rõ: 0,5 điểm – 1,0 điểm* | 2,0 |
| \* Kết bài:  - Bài thơ hay đầy xúc động cùng niềm tự hào về quê hương.  - Ngôn từ thơ ca tự nhiên, giản dị, hiện đại  ***Hướng dẫn chấm***  *- Đáp ứng được yêu cầu: 0,5 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:***  *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo:* vận dụng lí lẽ, lập luận trong quá trình viết bài; biết liên hệ  vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu sức thuyết phục, có  cảm xúc.  ***Hướng dẫn chấm***  *+ Đáp ứng được đầy đủ yêu cầu : 0,25 điểm.*  *+ Đáp ứng chưa đạt yêu cầu: 0,0 điểm* | 0,25 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

…………………HẾT………………….